

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HẢI VÂN  
ĐỊA CHỈ: 65 NGUYỄN VĂN CỪ, ĐÀ NẴNG

\*\*\*\*\*

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2010**



*Đà Nẵng, năm 2011*



TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG HẢI VÂN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Số : 545 /XMHV-KTTKTC

Đà Nẵng , ngày 13 tháng 4 năm 2011

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM BÁO CÁO: TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 31/12/2010.**

**Tên công ty niêm yết : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HẢI VÂN**

- HaiVan Cement Joint Stock Company.

- Tên giao dịch : Hai van.J.S.Co. và Vicem Hải Vân

- Tên viết tắt : HVC

- Mã chứng khoán : HVX

- Trụ sở chính : Số 65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- Điện thoại : (0511) 3842172/3842529

- Fax : (0511) 3842441

- Website : [www.haivancement.com](http://www.haivancement.com)

- Email : [info@haivancement.vn](mailto:info@haivancement.vn)

## **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

### **1. Những sự kiện quan trọng:**

+ Việc thành lập: Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101235 ngày 01/10/2010 do Sở KH và Đầu tư Tp Đà Nẵng cấp (Thay đổi lần thứ nhất).

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: từ ngày 01/4/2008 được chuyển đổi thành Công ty Cp xi măng Hải Vân.

+ Niêm yết: đã niêm yết trên HOSE vào ngày 28/9/2010.

### **2. Quá trình phát triển:**



+ Ngành nghề kinh doanh:

Công nghiệp sản xuất xi măng. Kinh doanh xi măng. Xuất nhập khẩu xi măng và clinker. Xuất nhập vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành xi măng. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Khai thác khoáng sản, các loại phụ gia cho sản xuất xi măng. Kinh doanh, đầu tư bất động sản, nhà hàng, khách sạn. Kinh doanh cảng biển. Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. San lấp mặt bằng. Chế tạo, sửa chữa phụ tùng, phụ kiện phục vụ ngành xi măng.

+ Tình hình hoạt động:

Năm 2010, Công ty cổ phần xi măng Hải Vân sản xuất kinh doanh sản phẩm xi măng Hải Vân theo các chủng loại: xi măng PCB30; PCB40; PC40 và gia công thêm các sản phẩm xi măng cho xi măng Hà Tiên 1, Công ty xi măng Hoàng Thạch và xi măng Bim Sơn nhằm phát triển và bình ổn thị trường xi măng tại khu vực Miền trung và Tây Nguyên.

### 3. Định hướng phát triển

#### \* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Ngoài các sản phẩm xi măng PCB40, xi măng PC40, PC 50 công ty sẽ nghiên cứu sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, ngành nghề mới như sau:
- Năm 2011 và những năm tiếp theo Công ty vừa sản xuất xi măng gia công Hoàng Thạch, Bim sơn, Hà Tiên 1 và xi măng nhãn hiệu Hải Vân. Và tiến đến tăng cao sản lượng gia công cho xi măng Bim sơn và các Công ty trong TCT.
- Xi măng và clinker đặc chủng như: xi măng siêu mịn cung cấp cho các công trình cầu cống, thủy lợi, các công trình nhà cao tầng, bê tông cọc nhồi.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, các sản phẩm có nguồn gốc từ xi măng.

#### \* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư phần mềm quản lý sản xuất, tài chính của Oracle.
- Năm 2012-2014 sẽ đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng tại Quảng Ngãi, công suất 1.200.000 tấn/năm.
- Đầu tư nâng cấp mở rộng cầu cảng đưa công suất cho tàu lên 7.000 tấn - 10.000 tấn và trang thiết bị bốc dỡ đồng bộ.
- Đầu tư nâng cấp các thiết bị bảo vệ môi trường.



- Cải tạo và đầu tư đổi mới các trang thiết bị phù hợp với tiến trình hiện đại hoá công nghệ và giảm giá thành sản xuất.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2010)

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị có 6 phiên họp và lấy ý kiến các thành viên về những nội dung liên quan đến công tác điều hành, ra các quyết định ban hành các quy chế quản trị Công ty, quy chế công bố thông tin; sửa đổi và ban hành lại các quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế mua sắm vật tư, thiết bị lẻ, quy chế tài chính... Thực hiện việc báo cáo lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố HCM đúng quy định.

Năm 2010 là năm có nhiều biến động về thị trường, giá cả tăng cao, tuy nhiên Công ty tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ nên đã tăng cao sản lượng tiêu thụ xi măng thương hiệu Hải Vân từ đó góp phần tăng lợi nhuận và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính trong Ngân sách đã đề ra.

**2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch):**

Theo kế hoạch từ đầu năm chỉ tiêu sản lượng 550.000 tấn và lợi nhuận kế hoạch 6,490 tỷ.

Thực hiện kế hoạch Ngân sách đạt được 562.424,43 tấn sản phẩm so với kế hoạch đã 550.000 tấn đạt 102,25% và Lợi nhuận đạt: 10,668 tỉ so với kế hoạch đạt 164,38%.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...).

Trong năm không có sự thay đổi về đầu tư và chiến lược kinh doanh. Tuy nhiên trong thời gian gần cuối năm Công ty đang tập trung cho thị trường xi măng rời tại thị trường XD CB ở TP Đà Nẵng và Quảng Nam.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...):

Trong thời gian tới Công ty đang tập trung cho thị trường xi măng rời, các trạm trộn bê tông, các công trình XD CB về hạ tầng giao thông nông thôn ở Tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi nhằm tăng thị phần và nâng cao công suất của máy móc thiết bị. Từ năm 2011 Công ty tăng thương hiệu trên 75% và đến năm 2012 sản xuất 100% thương hiệu Hải Vân.

## III. Báo cáo của Ban giám đốc

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán (trang cuối).
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 10.399 d/cp



- Tổng số cổ phiếu theo từng loại : 18.500.000 cổ phiếu thường
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
- + Cổ phiếu của cổ đông chi phối (Tổng Công ty CN xi măng VN) 14.161,000 cổ phần;
- + Cổ phiếu của các cổ đông khác: 4.339.000 cổ phần.
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho cổ đông : 5.920.000.000 đồng (320 đồng/CP)

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần xi măng Hải Vân năm 2010 cho năm thứ ba đi vào hoạt động nên các chỉ tiêu phân tích so với kế hoạch chứ không so sánh được với các năm trước đây (thuộc công ty nhà nước).

Các chỉ tiêu	ĐVT	Ngân sách (KH) 2010	Thực hiện 2010	So sánh với KH
1. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	650.000	671.495,50	103,31
- Xi măng SX tự tiêu thụ	Tấn	300.000	302.070,07	100,69
- Xi măng Gia công	Tấn	250.000	260.354,36	104,14
- Xi măng thương mại	Tấn	100.000	109.071,07	100,00
2. Doanh thu	Tỷ đồng	414,000	447,014	107,97
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,490	10,668	164,38
4. Cổ tức	%	3,00	3,2	106,66

Năm 2010 thị trường tiêu thụ xi măng có nhiều biến động, giá cả dầu vào tăng cao, tuy nhiên Công ty đã cố gắng mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng, đặc biệt là xi măng rời nên đã hoàn thành vượt mức kế hoạch của Tổng Công ty giao về doanh thu cũng như lợi nhuận đạt và vượt.

## 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong từng bộ phận sản xuất, quản lý nêu cao tinh thần trách nhiệm tập thể. Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên công ty.

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO -9000-2008 và ISO 17025 về Phòng thí nghiệm quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Các biện pháp kiểm soát được áp dụng rộng khắp công khai minh bạch trong điều hành.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.



Tăng cường phối hợp có hiệu quả với Công ty thành viên trong Vicem về nguồn Clinker, về giá cả xi măng trong từng khu vực, chia sẻ thông tin về thị trường, cách quảng bá thương hiệu.

Đào tạo bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kế cận đảm bảo có tư tưởng kiên định, đạo đức lối sống lành mạnh, vững chuyên môn và tâm huyết với công việc.

Triển khai sản phẩm vật liệu không nung và một số ngành nghề phù hợp với định hướng của Công ty, nhằm đa dạng hoá sản phẩm và chuyên lao động dôi dư vào làm sản phẩm mới.

#### **IV. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

#### **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:**

##### **1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty kiểm toán và kế toán An Phú

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần trên, kiểm toán lưu ý về vấn đề giá trị thương hiệu xi măng Hải Vân: Năm 2010, Công ty thay đổi thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu được hình thành qua việc xác định giá trị doanh nghiệp là Công ty Xi măng Hải Vân để phục vụ cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp. Năm 2009, Công ty không trích khấu hao tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu nói trên. Số chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình là thương hiệu được Công ty trích và tính vào chi phí năm 2010 là 2.580.000.000 đồng, số chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình này được Công ty xác định là chi phí không hợp lý, hợp lệ và được loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

##### **2. Kiểm toán nội bộ**

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: không có

- Các nhận xét đặc biệt: không có

#### **VI. Các công ty có liên quan:**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty.

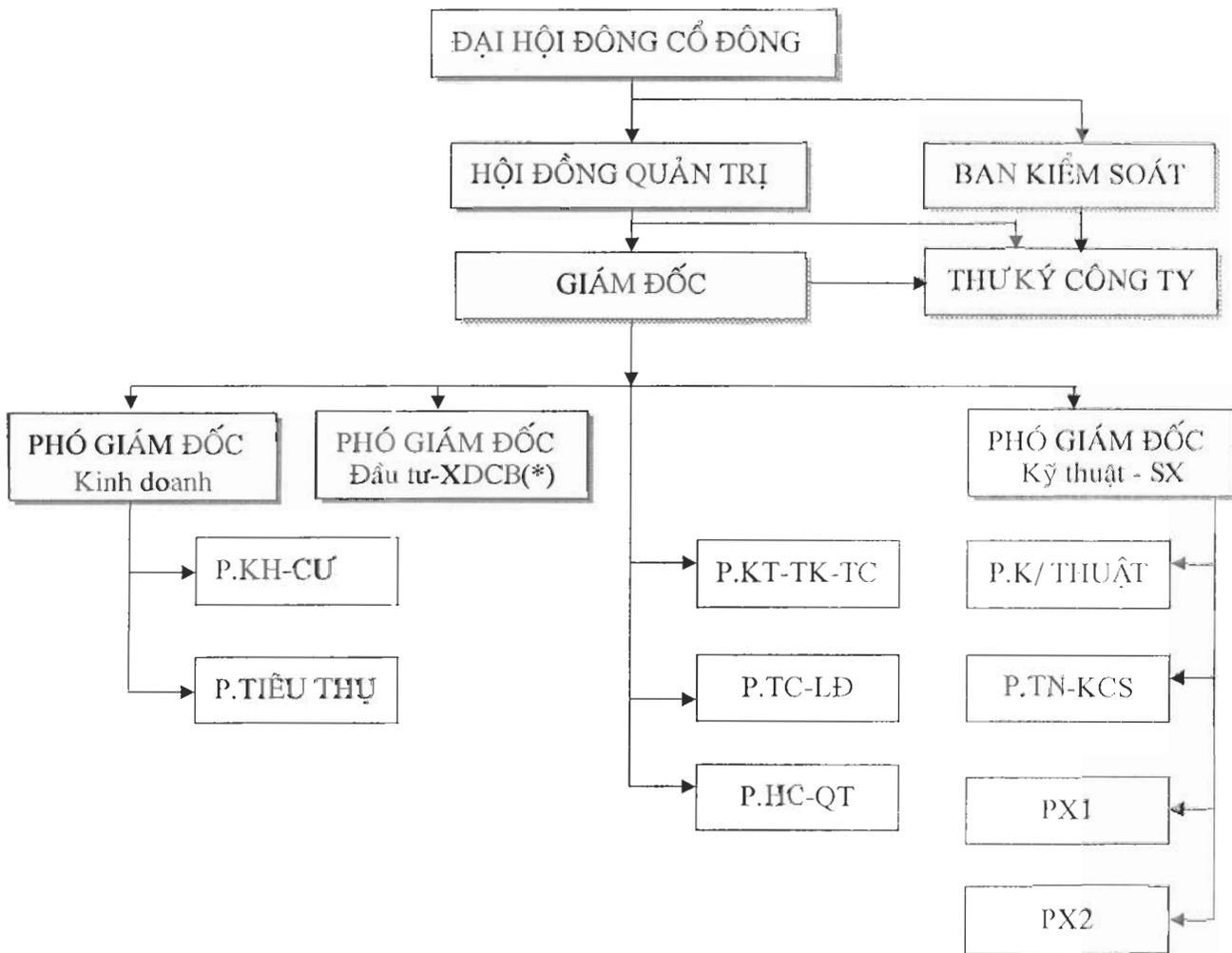


- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ.

**VII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của công ty:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HẢI VÂN**





- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Bằng chuyên môn	Chức vụ
01	Nguyễn Bích Thủy	02-9-1955	Đại học tại KTKH tại Rumary	Chủ tịch HĐQT
02	Bùi Việt Minh	01-4-1958	Cử Nhân Kinh tế QTKD	Ủy viên HĐQT- Giám đốc điều hành
03	Trần Văn Khôi	05-12-1969	Kỹ Sư Cơ khí chế tạo, Cử nhân tin học	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc kỹ thuật
04	Nguyễn Hoà Nam	09-5-1972	Cử nhân kinh tế QTKD	Phó Giám đốc kinh doanh
05	Đình Ngọc Châu	12-4-1968	Cử Nhân kinh tế Ngân hàng và Cử nhân Anh Văn	Ủy viên HĐQT- Kế toán trưởng
06	Trịnh Ngọc Thắng	04-7-1975	Cử nhân kinh tế tài chính	Trưởng ban Kiểm soát
07	Trịnh Tường	06-3-1958	Cử nhân QTKD	Ủy viên HĐQT- Trưởng phòng KHCU

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc:

+ Giám đốc điều hành được hưởng lương theo quyết định của Tổng Giám đốc (ViCem) và HĐQT theo mức độ hoàn thành kế hoạch SXKD, ngoài ra còn chế độ thù lao của HĐQT Công ty.

+ Các Phó giám đốc hưởng lương theo doanh thu sản phẩm tiêu thụ.

- Số lượng cán bộ: 12 thành viên, 301 nhân viên.

## VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên :



- Hoạt động của HĐQT:

+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên kiêm nhiệm điều hành hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị nêu cao vai trò, trách nhiệm tập thể lãnh đạo và vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân; thực hiện đúng quy chế đã ban hành; các thành viên HĐQT đều hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ của Công ty, Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho từng uỷ viên; coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện để rút kinh nghiệm trong điều hành, quản lý. Do đã xác định rõ mối quan hệ, chế độ trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành; nên đã khắc phục được sự chông chéo, vướng mắc hoặc buông lỏng quản lý của Hội đồng quản trị. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị đều đảm bảo vai trò định hướng chiến lược phát triển lớn mạnh của Công ty, tuân thủ luật định, điều lệ và quy chế của Công ty, luôn đảm bảo tăng lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Đã ban hành hành quy chế hoạt động của ban kiểm soát, quy chế làm việc.

+ Kiểm tra báo cáo tài chính định kỳ 3 tháng và năm 2010 theo quy định của điều lệ Công ty .

+ Đề xuất Công ty Kiểm toán cho năm 2011.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

+ Thực hiện theo điều lệ Công ty

+ Tiếp tục rà soát và ban hành thêm những quy chế quản lý còn thiếu;

+ Định kỳ báo cáo phải phân tích tài chính để có quyết định sát đúng thực tế trong hoạt động SXKD.

+ Tăng cường phối hợp hiệu quả với các Công ty thành viên của ViCem về nguồn clinker, giá bán xi măng trong khu vực, chia sẻ thông tin về thị trường quảng bá thương hiệu .

+ Chỉ đạo Công ty triển khai đầu tư sản phẩm mới: Vật liệu không nung nhằm đa dạng hoá ngành nghề với định hướng của Vicem.

+ Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kế cận có chuyên môn cao và tâm huyết với công việc.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT /Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát: 300.000.000 đồng (tiền thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010).



- Số lượng thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 04 thành viên.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

Theo Văn bản số 631/XMVN-HĐTV ngày 07/04/2011 của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh tỷ lệ phần vốn với người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước của VICEM tại Công ty CP XM Hải Vân, trong đó: Vốn Nhà nước của VICEM tại Công ty tăng từ 141.410.000.000 đồng lên 141.610.000.000 đồng (tăng thêm 200.000.000 đồng, từ việc chuyển 20.000 cổ phần do Công ty xuất nhập khẩu xi măng Việt Nam nắm giữ về thuộc quyền sở hữu của VICEM), tương ứng 76,55% vốn điều lệ của Công ty, giao quyền quản lý, đại diện sở hữu số cổ phần tăng thêm của VICEM nói trên cho Bà Nguyễn Bích Thủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Tổng số cổ phần do Bà Nguyễn Bích Thủy đại diện sở hữu, sau khi giao thêm, là 6.206.000 cổ phần, tương ứng với 33,546% vốn điều lệ công ty.

**Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5 % vốn của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông.**

**Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn của công ty tại thời điểm 03/03/2011**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, TP. Hà Nội	14.161.000	76,55 %
<b>Đại diện phần vốn Của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam</b>				
A	Bà: Nguyễn Bích Thủy	Ngõ 58 ngách 46 số nhà 75 đường Đào Tấn -Cổng Vị - Ba Đình, Hà Nội	6.206.000	33,55%
B	Ông: Bửu Việt Minh	381 Trưng Nữ Vương Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	4.625.000	25,00%
C	Ông: Trần Văn Khôi	Tổ 43 Phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	1.110.000	6,00%
D	Ông: Đinh Ngọc Châu	71 Đặng Dung, Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	1.110.000	6,00%
E	Ông: Trịnh Ngọc Thắng	Số 38 ngõ 162 P.Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	1.110.000	6,00%



(Nguồn: Số theo dõi quản lý cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân tại thời điểm 04/03/2011, ủy quyền đại diện vốn ...)

### Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101235 do sở kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2008, đăng ký bổ sung lần thứ 1 ngày 20/04/2010. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ của Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ Sở hữu
<b>I. Tổng công ty Công nghiệp Xi Măng Việt Nam</b>	<b>14.161.000</b>	<b>141.610.000.000</b>	<b>76,55%</b>
<b>Có các đại diện:</b>			
1. Bà Nguyễn Bích Thùy	6.206.000	62.060.000.000	33,55%
2. Ông Bùi Viết Minh	4.625.000	46.250.000.000	25,00%
3. Ông Trần Văn Khôi	1.110.000	11.100.000.000	6,00%
4. Ông Đinh Ngọc Châu	1.110.000	11.100.000.000	6,00%
5. Ông Trịnh Ngọc Thắng	1.110.000	11.100.000.000	6,00%
<b>II. Trịnh Tường</b>	<b>12.900</b>	<b>129.000.000</b>	<b>0,07%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.173.900</b>	<b>141.739.000.000</b>	<b>76,62 %</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng Hải Vân số 0400101235 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20/4/2010, số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập theo qui định của pháp luật.

### Cơ cấu cổ đông tại thời điểm:

Phân loại theo cơ cấu cổ đông : Cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ Sở hữu
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>				
	Cá nhân	679	3.243.042	32.430.420.000	17,53%
	Tổ chức (*)	12	15.215.798	152.157.980.000	82,25%
<b>2</b>	<b>Cổ đông ngoài nước</b>				
	Cá nhân	03	16.700	167.000.000	0,09%
	Tổ chức	01	24.460	244.600.000	0,13%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>695</b>	<b>18.500.000</b>	<b>185.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



(Nguồn: Sổ theo dõi quản lý cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân tại thời điểm 03/03/2011).

(\*) Tổ chức bao gồm cả Cổ đông là Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam

Phân loại theo cổ đông trong và ngoài Công ty

TT	Bộ phận	Cổ phiếu Sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ
1	Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	14.161.000	141.610.000.000	76,55%
2	Trong Công ty	767.088	7.670.880.000	4,15%
	Thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT (*)	88.890	888.900.000	0,48%
	Cán bộ Công nhân viên	678.198	6.781.980.000	3,67%
3	Ngoài Công ty	3.571.912	35.719.120.000	19,30%
	Cá nhân	2.492.654	24.926.540.000	13,47%
	Tổ chức	1.079.258	10.792.580.000	5,83%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18.500.000</b>	<b>185.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Sổ theo dõi quản lý cổ đông của TT Lưu ký CK VN tại thời điểm 03/03/2011).

**Danh sách những công ty mẹ, công ty con của tổ chức niêm yết**

**Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân**

*Công ty mẹ của Công ty cổ phần xi măng Hải Vân:*

**Công ty mẹ: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM**

**Địa chỉ: 228 Lê Duẩn-Hà Nội**

**Tel: (04)8.512425-(04)8.519659-(04)8.519661**

**Fax: (04)8.517228**

**Website: www.vicem.vn**

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sở hữu 14.161.000 cổ phần, chiếm 76,55% vốn điều lệ



↓ **Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối**

Không có.

↓ **Danh sách các Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân với người có liên quan:**

1. Ông Bùi Viết Minh :

Chức vụ và công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị , Giám đốc Công ty CP xi măng Hải Vân;

Số cổ phần Công ty nắm giữ : 41.290 cổ phiếu , tỷ lệ chiếm hữu trên vốn điều lệ : 0,223%

Số cổ phần người có liên quan : 52.900 cổ phiếu

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu nắm giữ
Vợ	Đinh Thị Ngọc Bích	1963	Công ty CP xi măng Hải Vân	47.200
Em	Bùi Viết Hà	1965	Công ty CP xi măng Hải Vân	5.700
	<b>Tổng</b>			<b>52.900</b>

2. Ông Trần Văn Khôi :

Chức vụ và công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị , Phó Giám đốc sản xuất, Công ty CP xi măng Hải Vân ;

Số cổ phần Công ty nắm giữ : 16.200 cổ phiếu , tỷ lệ chiếm hữu trên vốn điều lệ : 0,087%

Số cổ phần người có liên quan : 55.660 cổ phiếu



Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu năm giữ
Vợ	Nguyễn Thị Thu Vân	1970	Bác sỹ tại Công ty Sanofi	35.660
Chị	Trần Thị Bích Phượng	1967	Buôn bán	20.000
	<b>Tổng</b>			<b>55.660</b>

### 3. Ông Đinh Ngọc Châu :

Chức vụ và công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán Trưởng Công ty CP xi măng Hải Vân;

Số cổ phần Công ty năm giữ : 1.300 cổ phiếu , tỷ lệ chiếm hữu trên vốn điều lệ : 0,007%

Số cổ phần người có liên quan : 0 cổ phiếu

### 4. Ông Trịnh Tường:

Chức vụ và công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Hải Vân;

Số cổ phần Công ty năm giữ : 12.900 cổ phiếu, tỷ lệ chiếm hữu trên vốn điều lệ : 0,07%

Số cổ phần người có liên quan : 10.000 cổ phiếu

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu năm giữ
Vợ	Nguyễn Thị Thái	1959	Nội trợ	10.000
	<b>Tổng</b>			<b>10.000</b>

### 5. Ông Nguyễn Hòa Nam - Phó giám đốc kinh doanh

- Số cổ phần năm giữ : 15.400 cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ : 0,08%

- Số cổ phần người có liên quan : không



## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

#### - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt:

Từ ngày 13/10/2010 đến 13/12/2010 : Bán 45.000 CP ; phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE ;Số lượng , tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 1.155.000 cổ phiếu ,chiếm 6,24%.

Từ ngày 20/12/2010 đến 18/02/2011: Bán 354.230 cổ phiếu, mua 2.470 cổ phiếu; phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE; Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 803.240 cổ phiếu, chiếm 4,34%.

#### - Ông Bùi Viết Minh : Ủy viên HĐQT - Giám đốc điều hành;

- Từ ngày 10/11/2010 đến 31/12/2010: Mua 28.330 cổ phiếu; phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE; Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 31.330 cổ phiếu, chiếm 0,169%.

- Từ ngày 14/2/2011 đến 03/03/2011: Mua 9.960 cổ phiếu; phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE; Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 41.290 cổ phiếu, chiếm 0,223%.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn: Chỉ có cổ đông chi phối là Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt nam như đã nêu trên chiếm 76,55% vốn điều lệ

Không có cổ đông lớn .

### 2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

Mã số	Tên	Quốc tịch	Số lượng CP	Tỷ lệ
693	PHAM VIVA THANH	USD	16.400	0,0800%
694	Wataru Miyazawa	Japan	100	0,0005%
695	Yutaka Noda	Japan	200	0,0010%
696	CREDIT SUISSE(HK) LTD	Hong kong	300	0,0016%

**Mẫu CBTT-03**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VN**  
CÔNG TY CP XI MĂNG HẢI VÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**  
Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010

**I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối năm
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>150.858.253.998</b>	<b>130.146.939.849</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.236.497.320	47.982.382.567
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	62.434.849.930	27.102.437.880
4	Hàng tồn kho	60.865.073.228	54.922.739.869
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.321.833.520	139.379.533
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>165.013.949.438</b>	<b>153.147.294.127</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	160.203.543.251	148.478.285.104
	- Tài sản cố định hữu hình	130.604.813.759	115.246.446.574
	- Tài sản cố định vô hình	27.754.711.067	25.170.000.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.844.018.425	8.061.838.530
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác	4.810.406.187	4.669.009.023
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>315.872.203.436</b>	<b>283.294.233.976</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>124.170.431.794</b>	<b>90.911.201.231</b>
1	Nợ ngắn hạn	123.968.363.668	90.524.700.580
2	Nợ dài hạn	202.068.126	386.500.651
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>191.701.771.642</b>	<b>192.383.032.745</b>
1	Vốn chủ sở hữu	191.701.771.642	192.383.032.745
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	185.000.000.000	185.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	3.665.134	3.665.134
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(135.130.322)	(274.162.631)
	- Các quỹ	674.123.632	1.402.489.566
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.159.113.198	6.251.040.676



	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>315.872.203.436</b>	<b>283.294.233.976</b>

## II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

ST T	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	447.014.199.803	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	447.014.199.803	
4	Giá vốn hàng bán	407.147.750.148	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.866.449.655	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.252.840.733	
7	Chi phí tài chính	2.189.343.065	
8	Chi phí bán hàng	14.039.728.093	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.074.213.426	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.636.005.804	
11	Thu nhập khác	1.042.883.782	
12	Chi phí khác	10.820.000	
13	Lợi nhuận khác	1.032.063.782	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.668.069.586	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.384.410.240	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.283.659.346	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		394
18	Cổ tức được chia trên mỗi cổ phiếu		320



## V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		52,24	54,06
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		47,76	45,94
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		39,31	32,09
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		60,69	67,91
3	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,19	0,53
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,21	1,44
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		2,13	2,57
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1,86	1,64
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		3,64	3,94

Nơi nhận:

- Ủy ban chứng khoán NN;
- HĐQT, BKS; 
- Lưu HC, KTTC.

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 4 năm 2011

Giám đốc công ty



GIÁM ĐỐC  
Bùi Việt Minh